

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000039 ngày 24/12/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 1000283494 thay đổi lần thứ 4 ngày 27/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: **15.102.800.000 VND** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, một trăm lẻ hai triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất xi măng;
- Xuất nhập khẩu Clinker, xi măng poóc lăng trắng.

Địa chỉ: Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)****3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán SAS INNOVA.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Công ty đang thực hiện khấu hao nhanh đối với các tài sản là máy móc thiết bị và thiết bị dụng cụ quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 18
Máy móc, thiết bị	05 - 17
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 21

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.0.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao là 8 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Riêng các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty được ghi nhận theo phiếu thu và lãi suất đi vay năm 2010 là 1%/tháng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc mua sắm tài sản được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hình thành do các cổ đông góp vốn và được bổ sung từ phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn. Việc tăng giảm vốn góp được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và do Hội đồng quản trị quyết định.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán xi măng, doanh thu vận chuyển và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu hợp đồng vận chuyển được ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa tại thời điểm thỏa thuận, có xác nhận của khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể: các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm trích 30%, các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm trích 50%, các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 2 năm đến 3 năm trích 70%, các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 3 năm trích 100%.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.3 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động bán xi măng thành phẩm và hoạt động vận chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN đối với phần doanh thu tương ứng với tỷ lệ TSCĐ hình thành từ dự án đầu tư mở rộng sản xuất xi măng trắng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 35/GCNUĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	99,639,000	51,442,600
<i>Tiền VND</i>	<i>99,639,000</i>	<i>51,442,600</i>
Tiền gửi ngân hàng	4,979,470,655	1,704,592,042
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình</i>	<i>4,979,470,655</i>	<i>1,704,592,042</i>
Cộng	5,079,109,655	1,756,034,642
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	37,400,000	82,507,635
<i>Phạm Văn Tân</i>	<i>-</i>	<i>21,000,000</i>
<i>Trần Quang Khải</i>	<i>12,000,000</i>	<i>18,000,000</i>
<i>Vũ Thị Hồng Điệp</i>	<i>-</i>	<i>14,500,000</i>
<i>Phan Văn Hoạch</i>	<i>1,400,000</i>	<i>8,600,000</i>
<i>Nguyễn Duy Hưng</i>	<i>-</i>	<i>3,200,000</i>
<i>Nguyễn Thị Hoa</i>	<i>14,000,000</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>10,000,000</i>	<i>17,207,635</i>
Cộng	37,400,000	82,507,635
3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9,067,251,766	7,910,461,022
Công cụ, dụng cụ	515,134,393	350,924,115
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,669,425,539	5,328,823,765
Thành phẩm	393,021,463	132,853,842
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11,644,833,161	13,723,062,744

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

4. Tài sản cố định hữu hình	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cộng	0	0
. Tài sản cố định thuê tài chính	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cộng	0	0
. Tài sản cố định vô hình	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cộng	0	0

5. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán SAS INNOVA	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2010	33,500,000	33,500,000
Mua trong năm	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	33,500,000	33,500,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2010	13,065,000	13,065,000
Khấu hao trong năm	4,020,000	4,020,000
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	17,085,000	17,085,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2010	20,435,000	20,435,000
Tại ngày 31/12/2010	16,415,000	16,415,000
6. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
	Lãi suất/năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	7,545,905,229	12,876,324,753
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình	13%-17,5% 7,545,905,229	12,876,324,753
Phát hành trái phiếu nội bộ	10% 61,000,000	156,000,000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	390,000,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình	-	390,000,000
Cộng	7,606,905,229	13,422,324,753
7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	244,223,850	109,288,680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568,780,840	1,098,694,390

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Thuế thu nhập cá nhân	149,657,815	33,494,635
Cộng	962,662,505	1,241,477,705
8. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả	21,816,734	16,915,709
Phí kiểm toán Báo cáo tài chính 2010	50,000,000	-
Phí kiểm toán vốn, tư vấn tăng vốn điều lệ 2010	50,000,000	-
Cộng	121,816,734	16,915,709
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	165,256,723	109,613,558
Bảo hiểm xã hội	-	121,719,634
Phải trả về cổ phần hoá	700,000,000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	197,048,045	22,314,550
Cộng	1,062,304,768	253,647,742
10. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	700,000,000	1,280,135,657
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình	700,000,000	1,280,135,657
Cộng	700,000,000	1,280,135,657

11. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/20x6					0
Tăng vốn trong năm trước					0
Lãi trong năm trước					0
Tăng khác					0
Giảm vốn trong năm trước					0
Lỗ trong năm trước					0
Giảm khác					0
Số dư tại ngày 31/12/20x6	0	0	0	0	0
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay					
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác					
Số dư tại ngày 31/12/20x7	0	0	0	0	0

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2010

VND

01/01/2010

VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2010****(tiếp theo)**

Tổng Hải Đường	321,600,000	268,000,000
Vũ Thị Cấp	164,340,000	104,000,000
Nguyễn Như Phát	271,900,000	193,000,000
Phạm Văn Tân	134,460,000	155,000,000
Phạm Quang Liêm	149,400,000	100,000,000
Các cổ đông còn lại	14,061,100,000	9,294,000,000
Cộng	15,102,800,000	10,114,000,000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15,102,800,000	10,114,000,000
Vốn góp đầu kỳ	10,114,000,000	10,114,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	4,988,800,000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	15,102,800,000	10,114,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2,022,800,000	3,455,860,000

d) Cổ tức

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	3,000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 20%.	2,000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: Không có cổ phiếu ưu đãi		

đ) Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,510,280	1,011,400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,510,280</i>	<i>1,011,400</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,510,280	1,011,400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,510,280</i>	<i>1,011,400</i>

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
Khoản mục				31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Quỹ đầu tư phát triển	1,365,295,348	253,000,000	-	1,618,295,348
Quỹ dự phòng tài chính	426,500,000	253,000,000	-	679,500,000

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

12. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	82,552,375,408	72,690,535,118
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,677,926,000	2,528,021,185
Cộng	85,230,301,408	75,218,556,303
13. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm	82,552,375,408	72,690,535,118
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2,677,926,000	2,528,021,185
Cộng	85,230,301,408	75,218,556,303
14. Giá vốn hàng bán	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	70,206,237,315	59,847,238,118
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,832,943,542	2,600,844,946
Cộng	73,039,180,857	62,448,083,064
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39,073,335	44,340,517

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010***(tiếp theo)*

Cộng	39,073,335	44,340,517
16. Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,757,657,495	1,694,061,840
Cộng	1,757,657,495	1,694,061,840
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	85,387,073,107	75,600,618,428
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	79,122,610,083	68,833,695,138
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6,264,463,024	6,766,923,290
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1,566,115,756	1,691,730,823
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo các quy định hiện hành (Điều chỉnh giảm theo Giấy CN ưu đãi số 35/GCNUĐ-UBND)	70,407,725	83,781,376
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo các quy định hiện hành (Điều chỉnh giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC)	-	482,384,834
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	1,495,708,031	1,125,564,613
		566,166,210
18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46,906,231,824	32,373,084,053
Chi phí nhân công	15,532,910,706	10,133,753,148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,654,820,455	3,107,384,470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,865,207,788	4,280,666,034
Chi phí khác bằng tiền	5,765,186,554	7,456,486,924
Cộng	78,724,357,327	57,351,374,629
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,768,754,993	5,616,543,120
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4,768,754,993	5,616,543,120

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2010****(tiếp theo)**

+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,011,400	1,011,400
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,715	5,553

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lương	332,692,900	186,696,400
Tiền thưởng	8,044,900	-
Các khoản phúc lợi khác	34,404,100	4,800,000
Cộng	375,141,900	191,496,400

2. Những thông tin khác**2.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bùi Trước - Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Phước	-	177,187,500
CN Tổng Công ty XD Sài Gòn-Trung tâm KDDV tổng hợp & VLXD	229,656,240	692,978,790
Công ty CP Galaxy Việt Nam	956,675,680	1,169,006,680
Công ty CP KTXD Công Nghiệp	155,950,840	205,950,840
Công ty CP Vật liệu xây dựng SECOIN Hà Tây	107,162,000	172,662,000
Công ty TNHH Lucky House Việt Nam	51,615,000	124,283,500
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HALI	46,132,500	120,030,750
Nguyễn Thị Hoa - Công ty TNHH Hoa Thường	-	128,607,675
Nguyễn Thị Hồng Loan - CN Công ty Nhật Nam	83,654,338	113,099,098
Nguyễn Thị Sen	272,951,175	192,816,825
Ngô Thanh Hải - Công ty CP Công nghệ cao Nhiệt Đới	107,955,000	112,518,000
Phạm Hữu Dương - Xí nghiệp tập thể Bình An	32,727,600	117,114,600
Phạm Thị Hà Điệp - CN Công ty CP LQJOTON tại Hải Dương	455,093,100	304,026,000
Trần Thị Hòa	39,646,800	142,200,900
Vi Thị Ngọc Anh - Công ty TNHH Thương mại Quang Phát	-	150,024,000
CTy CP Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn SECOIN	456,192,000	-
Công ty Cổ phần NISHU Nam Hà	87,560,000	63,168,000
Các đối tượng khác	594,401,350	881,494,701
Cộng	3,677,373,623	4,867,169,859

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Than Sông Hồng	-	75,457,819
Nguyễn Văn Dũng	-	8,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Dũng	-	140,000,000
Viện vật liệu xây dựng	-	161,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2010****(tiếp theo)**

Lê Mạnh Sảng	-	23,400,000
Phạm Thị Xuyên	-	18,600,000
Công ty Chiến thắng	-	33,871,000
Viện vật liệu xây dựng	161,000,000	-
CTy TNHH kiểm toán & định giá Việt Nam	25,000,000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thanh Long	30,000	-
Cộng	186,030,000	460,328,819
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	-	102,100,000
- Đặng Gia Chu	-	50,000,000
- Nguyễn Nam Cường	-	30,000,000
- Phạm Thị Xuyên	-	1,100,000
- Vũ Thị Cáp	-	21,000,000
Cộng	-	102,100,000
2.4 Phải trả người bán	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	-	26,312,123
Công ty Cấp nước Thái Bình	11,113,261	24,045,993
Công ty TNHH Đặng Dũng	419,890,367	133,950,600
Công ty TNHH Ngọc Huyền	351,718,400	286,670,945
Chiết khấu bán hàng Năm 2008	-	206,778,000
Nguyễn Đình Hân	-	87,769,200
Công ty Chiến Thắng	165,990,000	-
Phạm Thị ngọc Oanh	101,921,800	-
Công ty Cổ phần Mông Sơn	528,550,000	-
Nhâm Thị Loan	104,358,500	-
Đối tượng khác	30,337,974	14,279,256
Cộng	1,713,880,302	779,806,117
2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lê Văn Cường-Công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí Miền Trung	90,000	895,000
Nguyễn Thị Thu	21,925	32,925
Công ty TNHH VLXD Đông Nguyên	40,395,000	-
Công ty TNHH MTV Giang Loan	44,000,000	-
Nguyễn Thị Yến	17,512,000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****(tiếp theo)**

Phạm Thị Ngọc Oanh	71,055,750	-
Trần Thị Thanh	43,800,000	-
Các đối tượng khác	4,814,057	-
Cộng	221,688,732	927,925
2.6 Chi phí bán hàng	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	380,248	390,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1,042,473,934
Chi phí bằng tiền khác	899,537,845	-
Cộng	899,918,093	1,042,863,934
2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2,224,345,433	1,971,170,100
Chi phí vật liệu quản lý	14,954,609	26,772,762
Chi phí đồ dùng văn phòng	152,628,990	92,854,158
Chi phí khấu hao TSCĐ	146,315,773	148,142,554
Thuế, phí và lệ phí	232,544,407	197,849,748
Chi phí dự phòng	114,798,096	111,785,184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52,037,400	127,396,445
Chi phí bằng tiền khác	477,965,554	970,973,695
Cộng	3,415,590,262	3,646,944,646
2.8 Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền cần thuê	8,160,000	16,916,500
Hoàn nhập dự phòng	-	40,503,300
Clinker thu hồi	-	28,482,000
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5,105,000	-
Thu nhập khác	104,433,364	251,819,808
Cộng	117,698,364	337,721,608
2.9 Chi phí khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế GTGT kê khai bổ sung	-	7,975,539
Chi phí khác	10,263,376	18,581,672
Cộng	10,263,376	26,557,211

2.10 Thông tin so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BAO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thái Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Cáp

Tổng Hải Đường

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	11,250,784,263	28,640,431,744	507,893,000	237,486,684	40,636,595,691
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	383,130,413	1,837,922,037	-	-	2,221,052,450
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	11,633,914,676	30,478,353,781	507,893,000	237,486,684	42,857,648,141
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2010	7,815,694,889	15,739,841,779	126,796,127	169,875,953	23,852,208,748
Khấu hao trong kỳ	591,206,464	1,991,612,219	48,757,728	19,224,044	2,650,800,455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	8,406,901,353	17,731,453,998	175,553,855	189,099,997	26,503,009,203
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	3,435,089,374	12,900,589,965	381,096,873	67,610,731	16,784,386,943
Tại ngày 31/12/2010	3,227,013,323	12,746,899,783	332,339,145	48,386,687	16,354,638,938

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.181.723.218 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	6	7
Số dư tại ngày 01/01/2009	10,114,000,000	440,000,000	2,215,492,861	2,099,254,987	16,222,828,209
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5,616,543,120	5,616,543,120
- Tăng khác	-	-	-	-	437,714,987
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(4,425,474,987)	(4,425,474,987)
Số dư tại ngày 31/12/2009	10,114,000,000	440,000,000	2,215,492,861	3,290,323,120	17,851,611,329
- Tăng vốn trong kỳ này	4,988,800,000	-	-	-	4,988,800,000
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	4,768,754,993	4,768,754,993
- Tăng khác	-	-	560,000,000	-	1,066,000,000
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	(2,431,431,607)	-	(2,431,431,607)
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(440,000,000)	-	(5,313,123,120)	(5,753,123,120)
Số dư tại ngày 31/12/2010	15,102,800,000	-	344,061,254	2,745,954,993	20,490,611,595

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3831 505 Fax: (84-36) 3647 505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)